

Số: /KH-UBND

Nam Định, ngày tháng 4 năm 2025

KẾ HOẠCH
Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Nam Định năm 2025

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BNNPTNT ngày 07/6/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương;

Căn cứ Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 30/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh giai đoạn 2021-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 29/6/2024 của Chính phủ về việc bảo đảm công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai trong thời gian kiên toàn cơ quan chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp;

Để chủ động ứng phó với thiên tai trong bối cảnh biến đổi khí hậu và nước biển dâng, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản của Nhà nước và nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Nam Định năm 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Chủ động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục kịp thời và hiệu quả các tình huống thiên tai, hạn chế thấp nhất thiệt hại về người, tài sản, môi trường và đời sống nhân dân.

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối về người, giảm thiểu thiệt hại về tài sản của Nhà nước và nhân dân.

- Bảo vệ an toàn cho các tuyến đê, kè, cống, các công trình, vật kiến trúc, đặc biệt là các tuyến đê trọng điểm đã được xác định qua công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng trước mùa lũ bão.

- Bảo vệ sản xuất và môi trường sinh thái.

- Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy, điều hành tại chỗ để ứng phó thiên tai đạt hiệu quả của các cấp, các ngành.

- Nâng cao nhận thức của người dân về quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, tránh thiên tai của toàn dân trên địa bàn tỉnh.

- Nhằm giảm thiểu thiệt hại về tài sản, đảm bảo an ninh trật tự, bảo vệ và phát triển bền vững kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Chủ động phòng, chống, ứng phó kịp thời, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, thảm họa gây ra; trong đó, đặc biệt coi trọng kế hoạch bảo vệ đối với ngư dân hoạt động nghề cá trên biển, trên sông, các khu neo đậu tàu thuyền, khu tập trung lồng bè nuôi trồng thủy sản; dân cư sinh sống ở các vùng trũng thấp, bãi bồi ven sông, ven biển, khu nhà ở cũ xuống cấp, các bến phà, bến đò, cảng biển; dân cư và khách du lịch tại các khu du lịch biển.

2. Yêu cầu

- Phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong việc chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả các tình huống thiên tai.

- Quán triệt, thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Trung ương; nội dung kế hoạch chi tiết, cụ thể, sát thực; có sự phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ, xuyên suốt, thống nhất giữa các lực lượng tham gia, các ngành, các địa phương theo phương châm “bốn tại chỗ” và phương châm “chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả”.

- Chủ động, linh hoạt, sáng tạo; quán triệt phương châm phòng tránh là chính; thường xuyên rà soát điều chỉnh kế hoạch phù hợp với thực tiễn.

- Phân công rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan trong thực hiện nội dung Kế hoạch.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Đặc điểm tự nhiên, tình hình kinh tế - xã hội, hệ thống công trình phòng, chống thiên tai

1.1. Đặc điểm tự nhiên

Tỉnh Nam Định nằm ở tọa độ từ 19⁰54' đến 20⁰40' vĩ độ Bắc và từ 105⁰55' đến 106⁰45' kinh độ Đông, thuộc vùng đồng bằng sông Hồng; cách trung tâm thủ đô Hà Nội khoảng 90km về phía Tây Bắc; cách cảng Hải Phòng khoảng 100 km về phía Đông Bắc; cách tỉnh Quảng Ninh khoảng 145 km về phía Đông Bắc. Nam Định có bờ biển dài 72 km; diện tích tự nhiên là 1.668,82 km². Tỉnh có 09 đơn vị hành chính (08 huyện và 01 thành phố), trong đó thành phố Nam Định là đô thị loại II, định hướng phát triển là đô thị trung tâm vùng Nam đồng bằng sông Hồng.

Tỉnh Nam Định nằm trong vùng ảnh hưởng của tam giác tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, hành lang Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng và vành đai kinh tế ven vịnh Bắc Bộ. Trên đầu mối giao thông liên vùng như tuyến đường sắt xuyên Việt đoạn qua tỉnh dài 41,2km, cao tốc Bắc Nam, QL21,

QL21B, QL10, QL38B,... cùng hệ thống sông Hồng, sông Đào, sông Đáy, sông Ninh Cơ chảy qua địa phận tỉnh, hệ thống cảng sông, cảng biển Thịnh Long, kênh nối Đáy - Ninh Cơ rất thuận lợi cho việc phát triển vận tải hành khách và hàng hóa. Mặt khác, tỉnh Nam Định cách không xa thủ đô Hà Nội, cảng Hải Phòng, Quảng Ninh nên có nhiều cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ. Đồng thời Nam Định cũng là nơi tiếp nhận hỗ trợ về đầu tư, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý, cũng như chuyển giao công nghệ từ các địa phương này.

	
<i>Sơ đồ liên hệ vùng tỉnh Nam Định trong vùng Bắc bộ</i>	<i>Sơ đồ vùng tỉnh Nam Định</i>

Bản đồ vị trí và quan hệ của tỉnh Nam Định với vùng và cả nước

1.2. Tình hình kinh tế - xã hội

1.2.1. Nông nghiệp

Nam Định có tổng diện tích đất tự nhiên là 166.882 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 111.668 ha, diện tích rừng là 3.118,99 ha, trong đó diện tích trồng rừng mới tập trung là 9 ha, diện tích nuôi trồng thủy sản là 15.800 ha.

1.2.2. Công nghiệp

- Ngành cơ khí chế tạo và gia công kim loại: Ngành cơ khí chế tạo và gia công kim loại được đánh giá là ngành có tiềm năng phát triển của tỉnh nhờ truyền thống, kinh nghiệm, đội ngũ lao động tương đối lành nghề, cơ hội thị trường cao với nhu cầu các sản phẩm cơ khí ngày càng tăng và xu hướng đầu tư đang gia tăng tại tỉnh.

- Công nghiệp chế biến: Công nghiệp chế biến, chế tạo giữ vai trò chủ đạo, xương sống đối với phát triển công nghiệp tỉnh Nam Định. Các ngành chế biến, chế tạo truyền thống, các ngành có lợi thế của tỉnh tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực: sản xuất trang phục; cơ khí; chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ; dệt, da giày; sản xuất và chế biến thực phẩm; sản xuất thuốc và dược liệu.

- Ngành dệt may: Hiện tại vẫn là ngành có tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu công nghiệp của tỉnh. Nam Định cũng là một trong số ít các tỉnh (gồm: Quảng

Ninh, Thái Bình, Hải Phòng và Nam Định) có tốc độ tăng trưởng dật may cao hơn mức bình quân chung của cả nước và cả vùng đồng bằng sông Hồng trong giai đoạn hiện nay.

- Ngành chế biến gỗ và các sản phẩm từ gỗ: Là ngành có đóng góp đáng kể, đứng thứ ba trong cơ cấu công nghiệp toàn tỉnh. Sản phẩm tập trung chủ yếu ở phân khúc đồ gỗ mỹ nghệ, các loại gỗ xẻ, đồ gỗ dân dụng, đồ gỗ xây dựng, đồ gỗ cao cấp xuất khẩu, hàng cói, hàng mây tre đan, sơn mài, tre nứa ghép,... phân bố chủ yếu trong các làng nghề truyền thống, các cụm công nghiệp.

- Sản xuất thuốc, hóa dược, dược liệu: Là một trong những ngành sản xuất có truyền thống, có lợi thế so sánh tương đối lớn của tỉnh Nam Định, đặc biệt là trong phân khúc sản phẩm có nguồn gốc đông nam dược. Giai đoạn vừa qua, sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu đã khẳng định được vị thế của tỉnh so với nhiều địa phương trong khu vực và cả nước.

1.2.3. Năng lượng

a) Trạm và đường dây 220 KV: Hiện nay, tỉnh Nam Định nguồn điện đang được cấp từ 02 trạm 220KV, bao gồm:

- Trạm TBA 220KV Nam Định, công suất 2x250MVA, điện áp 220/110/22KV đặt tại xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc; công suất tải lớn nhất của trạm năm 2014 là $P_{max} = 320MW$. Ngoài ra, tại trạm 220KV Nam Định có đặt 01 máy biến áp AT3 công suất 25MVA, điện áp 110/22/6KV. Máy AT3 cấp điện cho lưới điện phân phối cấp điện áp 22KV.

- Trạm TBA 220kV Trục Ninh (E3.20) đặt tại xã Cát Thành, huyện Trục Ninh; công suất 2x250MVA, điện áp 220/110/22KV. Trạm hiện đang vận hành 04 xuất tuyến đường dây 110KV, trong năm 2022 đưa vào vận hành thêm 04 xuất tuyến, nâng tổng số xuất tuyến đường dây 110KV sau trạm 220KV Trục Ninh lên 08 xuất tuyến.

b) Trạm và đường dây 110 KV: Hiện nay, có 14 trạm với 24 máy/1.016 MVA, trong đó: Tổng Công ty điện lực miền Bắc quản lý 23 MBA tại 13 trạm, tổng công suất 991 MVA; Tổng Công ty truyền tải quản lý 01 MBA T3 tại trạm 220 KV Nam Định công suất 25 MVA.

c) Lưới điện trung áp: Hệ thống lưới điện phân phối tỉnh Nam Định bao gồm cấp điện áp 35kV và 22kV.

d) Tổng dung lượng trạm biến áp phân phối hiện có 4.265 trạm/1.710.650 KVA, trung bình 401KVA/trạm.

1.2.4. Giao thông

Hệ thống giao thông vận tải tỉnh Nam Định bao gồm: đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và đường biển, cụ thể như sau:

- Hệ thống giao thông đường bộ: Mạng lưới đường bộ tỉnh Nam Định đã được hình thành theo dạng đường xuyên tâm có đường vành đai. Các trục quốc lộ 10, 21, 21B và 38B đều đi qua trung tâm thành phố Nam Định; các đường

tỉnh là trục giao thông liên kết vùng đi qua các trung tâm kinh tế của tỉnh, huyện kết nối với Quốc lộ. Tuyến cao tốc Bắc - Nam chạy qua địa bàn tỉnh Nam Định dài 20,4km, trong đó thuộc phân đoạn Cầu Giẽ - Cao Bồ dài 16,2km; thuộc phân đoạn Cao Bồ - Mai Sơn dài 4,2km. Tổng chiều dài các tuyến Quốc lộ (QL 21, QL 21B, QL 10, QL 38B, QL 37B là 314,23km. Tổng chiều dài hệ thống đường tỉnh là 303,9km.

- Hệ thống giao thông đường sắt: Tuyến đường sắt Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh đi qua địa bàn tỉnh Nam Định với chiều dài 41,2km với 06 nhà ga, trong đó ga Nam Định là một trong những ga trung tâm vận chuyển hành khách và hàng hoá thông thương giữa Nam Định và các địa phương trong cả nước.

- Hệ thống giao thông đường thủy: Mạng lưới đường sông trên địa bàn tỉnh Nam Định có tổng chiều dài 536km (không kể 1.130km kênh nội đồng), gồm các tuyến sông chính là sông Hồng, sông Đáy, sông Ninh Cơ, sông Đào. Các đoạn sông Trung ương quản lý là sông Hồng, sông Đào, sông Ninh Cơ, sông Đáy, đều nằm trên các tuyến vận tải chính của đồng bằng sông Hồng như: Lạch Giang - Hà Nội (sông Hồng, sông Ninh Cơ); Quảng Ninh - Ninh Bình (Sông Đào); Cửa Đáy - Ninh Bình (Sông Đáy).

- Cảng biển: Nam Định có 02 bến cảng, gồm Cảng cá Ninh Cơ và Cảng quân sự Thịnh Long. Cảng cá kết hợp tàu thuyền tránh trú bão Ninh Cơ do Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý; có 01 cầu cảng dài 190m, cảng chủ yếu phục vụ tàu cá khai thác hải sản. Cảng quân sự Thịnh Long do Bộ Quốc Phòng quản lý, có 01 cầu cảng dài 30m; năng lực thông qua cảng khoảng 0,3 triệu tấn/năm.

1.2.5. Văn hóa xã hội

Nam Định là một tỉnh có bề dày văn hóa và truyền thống hiếu học của cả nước. Nam Định có trường Đại học Điều dưỡng được thành lập năm 2005, là trường Đại học Điều dưỡng đầu tiên trên cả nước (địa chỉ tại đường Hàn Thuyên, thành phố Nam Định); ngoài ra còn có các trường Đại học khác như: Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Nam Định; Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp; Trường Cao đẳng Sư phạm Nam Định và một số trường cao đẳng, trung cấp khác... Các di tích lịch sử đã được xếp hạng như: Chùa Keo Hành Thiện, Đền Trần, Chùa Cổ Lễ,...

1.3. Hệ thống công trình phòng, chống thiên tai

1.3.1 Hiện trạng hệ thống công trình đê điều

Tỉnh Nam Định có 535,060 km đê, trong đó: đê sông 279,236 km; đê cửa sông 39,447 km; đê biển 75,161 km; đê biển tuyến 2 và đê bao 38,692 km; đê bồi 102,524 km (đê từ cấp III trở lên 287,143 km; đê dưới cấp III 247,917 km). Đánh giá chi tiết về các tuyến đê như sau:

a) Tuyến đê Hữu Hồng

- Chiều dài toàn tuyến là 53,379 km (từ K156,621+621 đến K210), đầu tuyến tiếp giáp với tỉnh Hà Nam, cuối tuyến tiếp giáp với K0 đê cửa sông hữu

Hồng. Tuyến đê đi qua địa phận 05 huyện, thành phố: Nam Trực, Trực Ninh, Xuân Trường, Giao Thủy, TP. Nam Định; trên tuyến có 25 cống qua đê, 26 kè với chiều dài 35,549 km.

- Cao trình đê hiện tại: Đầu tuyến K156+621 ở mức (+7,80); giữa tuyến K183 ở mức (+5,35); cuối tuyến K210 ở mức (+4,3).

b) Tuyến đê hữu Đào

- Chiều dài toàn tuyến 25,530 km (từ K0 đến K25+530). Đầu tuyến K0 tiếp giáp với K164+756 đê hữu Hồng, cuối tuyến K25+530 giáp với K169+700 đê tả Đáy. Tuyến đê đi qua 03 huyện, thành phố: Vụ Bản, Ý Yên và TP. Nam Định; trên tuyến có 06 kè với tổng chiều dài 9,045 km, 13 cống qua đê.

- Cao trình đầu tuyến (+6,4)m; (+5,75)m giữa tuyến; (+4,6)m cuối tuyến.

c) Tuyến đê tả Đào

- Chiều dài toàn tuyến là 30,073 km từ (K0 đến K30+73). Đầu tuyến K0 tiếp giáp K164+756 đê hữu Hồng, cuối tuyến tiếp giáp K169+700 đê tả Đáy; tuyến đê đi qua địa bàn các huyện, thành phố: Nam Trực, Nghĩa Hưng, TP. Nam Định. Trên tuyến có 11 kè với tổng chiều dài 14,925 km và 19 cống dưới đê.

- Cao trình đê hiện tại: đầu tuyến (+6,1)m; giữa tuyến (+5,5 đến +5,8)m; cuối tuyến (+4,14)m.

d) Tuyến đê tả Đáy

- Chiều dài toàn tuyến là 59,484 km (từ K137+516 đến K197). Đầu tuyến tiếp giáp với đê tả Đáy tỉnh Hà Nam, cuối tuyến tiếp giáp với K0 đê cửa sông tả Đáy. Tuyến đê đi qua địa bàn 02 huyện Ý Yên và Nghĩa Hưng, có 13 kè với tổng chiều dài 13,797 km và 41 cống qua đê.

- Cao trình đê hiện tại: Đoạn đầu cao trình (+5,7 đến +6,3)m; đoạn giữa cao trình (+4,7 đến +5,5)m; đoạn cuối tuyến cao trình (+3,6).

đ) Tuyến đê hữu Ninh

- Chiều dài toàn tuyến là 39 km (từ K0 đến K39). Đầu tuyến K0 giáp K188+833 đê hữu Hồng huyện Trực Ninh, cuối tuyến giáp K0 đê cửa sông hữu Ninh Cơ huyện Nghĩa Hưng. Tuyến đê đi qua địa bàn 02 huyện Trực Ninh và Nghĩa Hưng, có 12 kè với tổng chiều dài 8,183 km và 27 cống qua đê.

- Cao trình đê hiện tại: Đầu tuyến (+4,4 đến +4,92)m, giữa tuyến (+3,9 đến +3,95)m, cuối tuyến +3,45m.

e) Tuyến đê tả Ninh

- Chiều dài toàn tuyến là 40,1 km (từ K0 đến K40+100). Đầu tuyến giáp với K188+833 đê hữu Hồng huyện Xuân Trường, cuối tuyến tiếp giáp K0 đê cửa sông tả Ninh Cơ. Tuyến đê đi qua địa bàn 03 huyện: Xuân Trường, Trực Ninh, Hải Hậu; có 11 kè với tổng chiều dài 10,148 km và 35 cống qua đê.

- Cao trình đê hiện tại: Đầu tuyến +4,5m; giữa tuyến (+3,96 đến +4,57)m; cuối tuyến +3,8m.

g) Đê Nam - Bắc Quần Liêu

- Tuyến đê Nam Quần Liêu dài 1,68km nối giữa đê sông Ninh và đê tả Đáy (tương ứng K181,876 đê tả Đáy và K26,680 đê hữu Ninh); cao trình từ +3,2m đến +3,5m.

- Tuyến đê Bắc Quần Liêu dài 1,79km nối giữa đê sông Ninh và đê tả Đáy (tương ứng K181,876 đê tả Đáy và K26,680 đê hữu Ninh); cao trình từ +2,89 đến +3,72m.

h) Đê cửa sông

- Tuyến đê cửa sông hữu Hồng dài 9,702 km (từ K0 đến K9+702), đầu tuyến tiếp giáp với đê hữu Hồng K210, cuối tuyến tiếp giáp với K0 đê biển Giao Thủy, tuyến đê thuộc địa bàn huyện Giao Thủy. Cao trình đê hiện tại từ (4,0 đến 4,7)m.

- Tuyến đê cửa sông hữu Ninh Cơ dài 6,556 km (từ K0 đến K6+556), đầu tuyến tiếp giáp với đê hữu Ninh Cơ K39, cuối tuyến tiếp giáp với K0 đê biển huyện Nghĩa Hưng, tuyến đê thuộc địa bàn huyện Nghĩa Hưng. Cao trình đê hiện tại từ (3,04 đến 4,65)m.

- Tuyến đê cửa sông tả Ninh Cơ dài 7,291 km (từ K0 đến K7+291), đầu tuyến tiếp giáp với đê tả Ninh Cơ K40+100, cuối tuyến tiếp giáp với K29 đê biển huyện Hải Hậu, tuyến đê thuộc địa bàn huyện Hải Hậu. Cao trình đê hiện tại từ (3,8 đến 4,4)m.

- Tuyến đê cửa sông tả Đáy dài 12,558 km (từ K0 đến K12+558), đầu tuyến tiếp giáp với đê tả Đáy K197, cuối tuyến tiếp giáp với K15 đê biển huyện Nghĩa Hưng, tuyến đê thuộc địa bàn huyện Nghĩa Hưng. Cao trình đê hiện tại từ (3,5 đến 4,5)m.

i) Đê biển

Chiều dài 75,161 km, qua 3 huyện: Giao Thủy (31,161 km), Hải Hậu (29 km), Nghĩa Hưng (15 km).

- Tuyến đê biển huyện Giao Thủy đã được cứng hoá mặt đê toàn tuyến, trong đó có 15,268km mặt đê cần được sửa chữa.

- Tuyến đê biển huyện Hải Hậu đã được cứng hoá mặt đê 28,15 km; đê đất 0,85km; có 9,419km mặt đê cứng hoá cần được sửa chữa.

- Tuyến đê biển huyện Nghĩa Hưng đã được cứng hoá mặt đê 14,479 km, đê cấp phối 0,521 km cần được cải tạo, nâng cấp.

1.3.2. Hiện trạng hệ thống công trình thủy lợi

Toàn tỉnh Nam Định có 05 hệ thống thủy lợi, các hệ thống này được quản lý, điều hành bởi 08 Công ty khai thác công trình thủy lợi (KTCTTL) với 585 trạm bơm, hàng trăm máy bơm nhỏ và vừa do các địa phương quản lý và khai thác. Hệ thống kênh mương hiện có khoảng 2.663 km kênh tưới (kênh cấp I, cấp II), khoảng 1.728 km kênh tiêu (cấp I, cấp II), 221 km kênh tưới kết hợp kênh tiêu; hệ thống cống đập, xi phông, cầu máng lớn...

2. Đánh giá rủi ro thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp, ảnh hưởng biến đổi khí hậu đến hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh

2.1. Xác định, đánh giá rủi ro thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai thường gặp trên địa bàn tỉnh

2.1.1. Các rủi ro thiên tai thường xảy ra trên địa bàn tỉnh, gồm: Bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nắng nóng, hạn hán, rét đậm, rét hại, mưa đá, sương muối.

2.1.2. Cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh: Theo Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai.

2.2. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến hoạt động kinh tế - xã hội trong địa bàn tỉnh

Dưới tác động của biến đổi khí hậu, tần suất và cường độ thiên tai ngày càng gia tăng, diễn biến thiên tai khó lường, gây ra nhiều tổn thất về người, tài sản, các cơ sở hạ tầng về kinh tế, văn hóa, xã hội, tác động xấu đến môi trường. Năm 2024, có 09 cơn bão và 01 áp thấp nhiệt đới hoạt động trên biển Đông, trong đó có 05 cơn bão ảnh hưởng đến đất liền nước ta (bão số 02, 03, 04, 06 và 07). Tỉnh Nam Định chịu ảnh hưởng bởi 01 cơn bão (bão số 03 - Yagi); chịu ảnh hưởng của hoàn lưu bão số 02 và 04. Có 19 đợt không khí lạnh và không khí lạnh tăng cường, trong đó có 03 đợt rét đậm, rét hại (đợt 01 kéo dài 08 ngày từ 22-29/01/2024, nhiệt độ thấp nhất 8,6°C xuất hiện ngày 24/01/2024; đợt 02 kéo dài 02 ngày, từ ngày 08-09/02/2024, nhiệt độ thấp nhất 10,5°C xuất hiện vào ngày 09/02/2024; đợt 3 kéo dài 06 ngày, từ ngày 24-29/02/2024, nhiệt độ thấp nhất 11,3°C xuất hiện vào ngày 27/02/2024). Mùa hè năm 2024 khá gay gắt với nhiều đợt nắng nóng kéo dài, trong đó có 01 đợt nắng nóng kéo dài 12 ngày. Nhiệt độ cao nhất xuất hiện ngay từ đầu mùa (ngày 27/4) với nhiệt độ tối cao 40,5°C. Có 10 đợt nắng nóng và nắng nóng gay gắt xảy ra chủ yếu ở khu vực phía Bắc tỉnh, ở mức cao hơn trung bình nhiều năm (trung bình nhiều năm: 06-07 đợt).

- Tổng lượng mưa đo được trên địa bàn tỉnh Nam Định năm 2024 như sau:

Đơn vị: mm

TP. Nam Định	Ý Yên	Vụ Bản	Thành phố (Lộc Hòa)	Nam Trực	Trực Ninh	Xuân Trường	Giao Thủy	Hải Hậu	Nghĩa Hưng	Bình Quan
2.298,8	2.240,0	2.128,0	1.936,0	2.218,0	2.091,0	2.191,0	2.685,0	1.935,0	1.834,0	2.155,7

Lượng mưa bình quân năm 2024 là 2.155,7 mm.

3. Nội dung và biện pháp phòng, chống thiên tai

3.1. Nhiệm vụ trọng tâm và kế hoạch thực hiện

- Báo cáo công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, đảm bảo an toàn công trình thủy lợi năm 2024 và triển khai nhiệm vụ năm 2025, đặc biệt trong công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý tình huống thiên tai.

- Triển khai kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Luật Phòng chống thiên tai, Luật Phòng thủ dân sự, Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai của tỉnh.

- Cập nhật, bổ sung hoàn chỉnh các phương án chủ động phòng, chống, ứng phó thiên tai.

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Nam Định và các đơn vị có liên quan tiếp tục triển khai thực tốt kế hoạch, phương án chi tiết, cụ thể trong công tác phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra theo Thông báo số 132/TB-VPUBND ngày 09/7/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định thực hiện nội dung Nghị quyết số 102/NQ-CP ngày 29/6/2024 của Chính phủ về việc bảo đảm công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai trong thời gian kiện toàn cơ quan chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp.

- Tổ chức huy động, sử dụng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị ứng cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn trên địa bàn tỉnh; huấn luyện sử dụng thành thạo các phương tiện, trang thiết bị hiện có.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn, tuyên truyền để nâng cao nhận thức cộng đồng về ứng phó với thiên tai.

- Triển khai kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh theo chương trình mục tiêu quốc gia, hạn chế những tác động của biến đổi khí hậu đến môi trường, sản xuất, đời sống của người dân.

- Triển khai kế hoạch trồng cây chắn sóng phòng, chống sạt lở, bảo vệ bờ bao, đê bao, đê biển, kè trên địa bàn các huyện, nhất là các công trình phòng, chống thiên tai đã được đầu tư, các khu vực thường xảy ra sạt lở.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án di dời các hộ dân tại các khu vực xung yếu, trong đó tập trung tổ chức di dời trước đối với những hộ dân đang sinh sống trong khu vực có nguy cơ bị ảnh hưởng của thiên tai đã được cảnh báo.

- Đẩy nhanh tiến độ, đảm bảo chất lượng xây dựng các dự án, công trình phục vụ phòng, chống thiên tai; triển khai các dự án nạo vét kênh, đồng thời vận động nhân dân phát quang, nạo vét thông thoáng dòng chảy, tháo dỡ, dọn dẹp những vật cản trên bờ, lòng sông, kênh làm ách tắc dòng chảy, hạn chế đến việc tiêu thoát nước.

- Tăng cường quản lý, bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ Vườn quốc gia Xuân Thủy nhằm phát huy tác dụng phòng, chống, giảm thiểu thiệt hại khi xảy ra thiên tai, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đồng thời góp phần cải thiện tình trạng ô nhiễm không khí, môi trường của tỉnh.

- Nâng cao năng lực thông tin, dự báo, cảnh báo thời tiết, thiên tai, năng lực ứng phó, xử lý khi thiên tai xảy ra.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường, các sở, ngành, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn triển khai tốt công tác thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai; cơ quan quản lý quỹ

tỉnh thực hiện công tác quản lý, sử dụng, quyết toán Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh đúng quy định.

- Các địa phương, đơn vị tổ chức trực ban phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo quy định để nắm chắc diễn biến tình hình, đề phòng tình huống xấu và chuẩn bị phương án ứng phó thích hợp, hiệu quả. Đồng thời, theo dõi và thông tin kịp thời diễn biến tình hình thời tiết, thiên tai cho nhân dân trong khu vực biết để kịp thời ứng phó.

- Các sở, ngành, đơn vị huyện, thành phố thực hiện chế độ báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh:

- + Báo cáo định kỳ: Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2024, nhiệm vụ năm 2025.

- + Báo cáo đột xuất: Đối với tình hình khẩn cấp có thiên tai xảy ra, phải báo cáo ngay bằng điện thoại, fax cho cơ quan Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (qua Chi cục thủy lợi), số điện thoại: 0228.3649.217, fax: 02283646779 và sau đó báo cáo chính thức bằng văn bản về tình hình thiệt hại, biện pháp khắc phục hậu quả và kiến nghị giải quyết.

3.2. Biện pháp cơ bản ứng phó với thiên tai

a) Biện pháp cơ bản ứng phó đối với bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy

- Sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không bảo đảm an toàn; tập trung triển khai biện pháp bảo đảm an toàn cho người, đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương trong tình huống thiên tai khẩn cấp.

- Di chuyển tàu thuyền, phương tiện nuôi trồng thủy sản trên sông ra khỏi khu vực nguy hiểm, thực hiện biện pháp khác để bảo đảm an toàn.

- Thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với nhà cửa, công sở, bệnh viện, trường học, kho tàng, công trình và cơ sở kinh tế, an ninh, quốc phòng.

- Chủ động thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất.

- Kiểm tra, phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai, công trình trọng điểm về kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng.

- Giám sát, hướng dẫn và chủ động thực hiện việc hạn chế hoặc cấm người, phương tiện đi vào khu vực nguy hiểm trên sông, khu vực và tuyến đường bị ngập sâu, khu vực có nguy cơ sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy và khu vực nguy hiểm khác.

- Bảo đảm giao thông và thông tin liên lạc đáp ứng yêu cầu chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai.

- Thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực bị chia cắt, khu vực ngập lụt nghiêm trọng và địa điểm sơ tán.

- Bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai.

- Huy động khẩn cấp và tuân thủ quyết định chỉ đạo, huy động khẩn cấp về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để kịp thời ứng phó với thiên tai.

b) Ứng phó đối với hạn hán

- Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ phù hợp với dự báo, cảnh báo và tình hình diễn biến hạn hán.

- Vận hành hợp lý công trình cấp nước, ưu tiên cấp nước sinh hoạt; sử dụng tiết kiệm, chống thất thoát nước.

- Ưu tiên cung cấp điện và vật tư, nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm.

- Tổ chức điều hành đóng mở công lấy nước phù hợp với tình huống cụ thể.

c) Biện pháp cơ bản ứng phó đối với sương muối, rét hại

- Triển khai biện pháp chống rét cho người, đặc biệt cho đối tượng dễ bị tổn thương.

- Triển khai chống rét và bảo đảm nguồn thức ăn cho gia súc.

- Triển khai biện pháp bảo vệ cây trồng phù hợp.

d) Đối với nắng nóng, lốc, sét, mưa đá và các loại thiên tai khác thì căn cứ vào dự báo, cảnh báo, tính chất và diễn biến thực tế của từng loại thiên tai, chủ động triển khai biện pháp ứng phó phù hợp với tình huống cụ thể.

- Biện pháp ứng phó với dông, lốc, mưa đá:

+ Rà soát, cảnh báo đến từng hộ gia đình tại các điểm dân cư nằm trong khu vực nguy hiểm để có phương án sẵn sàng di chuyển đến nơi an toàn.

+ Chủ động chằng chống nhà cửa, vật kiến trúc, kho tàng... đảm bảo đủ sức chống đỡ khi có lốc xoáy, mưa đá và thiên tai xảy ra.

+ Tổ chức cứu hộ, cứu nạn, cứu chữa người bị thương.

- Biện pháp ứng phó với sét đánh:

+ Khi mưa lớn kèm theo có dông sét, không nên đứng dưới gốc cây, ống khói, đụn rơm, anten truyền hình, gần các vật kim loại, không chạm tay vào các vật ẩm ướt, vật dẫn điện; tháo bỏ dây anten ra khỏi tivi, radio,...

+ Không đi dọc theo các bờ sông; không trú mưa ở những công trình, nhà cửa giữa cánh đồng; không sử dụng điện thoại; không dùng dây thép phơi áo quần buộc vào cột thu lôi, cây cao.

+ Bỏ các vật dụng mang bên mình như: cuốc, xẻng, cần câu, gậy,... khi thấy hiện tượng dông, sét có thể xảy ra.

+ Tổ chức cứu hộ, cứu nạn, cứu chữa người bị thương.

- Biện pháp ứng phó với nắng nóng:

+ Chủ động các biện pháp phòng chống nắng nóng cho người (đặc biệt là các đối tượng dễ bị tổn thương) và gia súc, gia cầm; hạn chế ra ngoài cũng như

chăn thả gia súc, gia cầm ngoài trời trong thời gian nắng nóng cao điểm từ 10 giờ đến 16 giờ; vệ sinh môi trường và phun thuốc khử trùng, phòng bệnh cho người và vật nuôi.

+ Đảm bảo chuẩn bị đủ nguồn thức ăn, nước uống hợp vệ sinh.

3.3. Phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó thiên tai

Theo quy định tại Điều 7, 8, 9, 10, 11 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều, cụ thể như sau:

3.3.1. Ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 1

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy, huy động nguồn lực tại chỗ để ứng phó kịp thời ngay khi thiên tai xảy ra; hỗ trợ công tác ứng phó khi có đề nghị của các địa phương lân cận; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo, chỉ huy của các cơ quan phòng, chống thiên tai cấp trên; đồng thời được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

- Lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện.

- Vật tư dự trữ do nhân dân chuẩn bị, vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp xã và tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn.

b) Các lực lượng tham gia ứng phó thiên tai trên địa bàn có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ theo sự chỉ huy của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người được ủy quyền.

c) Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện hỗ trợ.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm trực tiếp chỉ huy và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó thiên tai trong trường hợp thiên tai cấp độ 1 xảy ra trong phạm vi từ hai xã trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu trợ giúp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; chịu trách nhiệm thực hiện chỉ huy, chỉ đạo của các cơ quan chỉ đạo phòng, chống thiên tai cấp trên.

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

- Lực lượng quân đội, công an, dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân tình nguyện theo quy định của pháp luật.

- Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp huyện và các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn.

g) Các lực lượng tham gia ứng phó thiên tai trên địa bàn huyện có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ theo sự chỉ huy của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc người được ủy quyền.

3.3.2. Ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 2

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ huy các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn triển khai ứng phó thiên tai; huy động nguồn lực theo thẩm quyền để ứng phó kịp thời, phù hợp với diễn biến thiên tai tại địa phương; báo cáo và chịu trách nhiệm thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai và Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quyền huy động các nguồn lực sau để ứng phó thiên tai:

- Lực lượng quân đội, công an, dân quân tự vệ, thanh niên, các tổ chức, cá nhân, lực lượng tìm kiếm cứu nạn, lực lượng kiểm ngư và các tổ chức, cá nhân tình nguyện.

- Vật tư, trang thiết bị, phương tiện của cấp tỉnh, vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai và của tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tổ chức thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 7; tuân thủ sự chỉ huy của cơ quan cấp trên; hướng dẫn và tổ chức sơ tán người đến nơi an toàn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tổ chức cưỡng chế sơ tán trường hợp tổ chức, cá nhân không tự giác chấp hành chỉ đạo, chỉ huy, hướng dẫn sơ tán phòng, tránh thiên tai vì mục đích an toàn cho người.

d) Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn hỗ trợ.

đ) Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoặc huy động các nguồn lực hỗ trợ ứng phó khi xuất hiện các tình huống thiên tai có diễn biến phức tạp, nguy cơ gây hậu quả lớn hoặc khi nhận được yêu cầu hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Các lực lượng tham gia hỗ trợ phòng, chống thiên tai tại địa phương phải phối hợp chặt chẽ và theo sự chỉ huy thống nhất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc người được ủy quyền.

3.3.3. Ứng phó rủi ro thiên tai cấp độ 3

a) Bộ Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo các địa phương, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai; quyết định các biện pháp cấp bách và huy động nguồn lực theo thẩm quyền để hỗ trợ các địa phương ứng phó khi có yêu cầu.

b) Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn căn cứ tình huống cụ thể chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo, bố trí sẵn sàng lực lượng, phương tiện triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn và tham gia điều phối các hoạt động ứng phó thiên tai.

c) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trong phạm vi quản lý, đồng thời tham

gia ứng phó thiên tai theo sự chỉ đạo và huy động của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm huy động nguồn lực theo thẩm quyền, chỉ huy triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn.

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

g) Trường hợp rủi ro thiên tai trên cấp độ 3 hoặc thiên tai có diễn biến phức tạp nguy cơ cao gây hậu quả nghiêm trọng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Thủ tướng Chính phủ trực tiếp chỉ đạo.

3.3.4. Ứng phó thiên tai cấp độ 4

a) Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương liên quan triển khai các biện pháp ứng phó.

b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ các biện pháp ứng phó; tham mưu thành lập Ban chỉ đạo tiền phương để xử lý tình huống đặc biệt, trực tiếp chỉ đạo điều hành tại hiện trường.

c) Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương chỉ đạo, bố trí, sẵn sàng lực lượng, phương tiện triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn và tham gia điều phối các hoạt động ứng phó thiên tai.

d) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chịu trách nhiệm triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trong phạm vi quản lý, đồng thời tham gia ứng phó thiên tai theo sự chỉ đạo và huy động của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn.

đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ huy, huy động nguồn lực theo thẩm quyền triển khai các biện pháp ứng phó thiên tai trên địa bàn, tuân thủ sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban Quốc gia ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn.

e) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị định này phù hợp với tình huống cụ thể tại địa phương; tuân thủ sự chỉ đạo, chỉ huy của cơ quan cấp trên.

3.3.5. Ứng phó tình trạng khẩn cấp về thiên tai

a) Trường hợp thiên tai vượt cấp độ 4, Bộ Nông nghiệp và Môi trường báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước ban bố tình trạng khẩn cấp về thiên tai.

b) Việc phân công, phân cấp trách nhiệm và phối hợp trong ứng phó tình trạng khẩn cấp về thiên tai thực hiện theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

4. Cách thức lồng, ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội

4.1. Lồng ghép phòng tránh rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào các quy hoạch

- Mọi quy hoạch đều cần được tiến hành lồng ghép các nội dung quản lý rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào trong đó.

- Đối với những quy hoạch đã có: Cần tiến hành rà soát, bổ sung các nội dung phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu mà trước đây chưa đề cập tới hoặc đã có đề cập nhưng chưa phù hợp với quy hoạch và tiêu chuẩn phòng tránh lũ, bão, sạt lở đất, xâm nhập mặn, nước biển dâng hoặc có nguy cơ gây mất an toàn cho hệ thống công trình chuyên dùng phòng, chống thiên tai. Qua rà soát, nếu phát hiện những nội dung nào trong quy hoạch không thể bảo đảm an toàn, không thể phát triển bền vững trước nguy cơ thiên tai và biến đổi khí hậu thì cần kiên quyết điều chỉnh.

- Đối với những quy hoạch của từng ngành, từng lĩnh vực sẽ tiến hành xây dựng thì cần lồng ghép ngay các nội dung của Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về giảm nhẹ rủi ro thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 vào trong quy hoạch đó.

4.2. Lồng ghép nội dung phòng, chống và giảm nhẹ rủi ro thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Kế hoạch phát triển ngành

- Ngay bước điều tra cơ bản, đánh giá thuận lợi, khó khăn, thách thức; xác định nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội đã có đánh giá rủi ro thiên tai.

- Khi định ra hệ thống các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhất thiết phải tính toán đầy đủ đến các tác động của thiên tai và biến đổi khí hậu. Phải tính đến các giải pháp chủ động phòng ngừa, ứng phó, khôi phục và tái thiết.

- Khi đưa ra các nhóm giải pháp thực hiện để đạt các mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của ngành cần phải lựa chọn, sàng lọc từ các giải pháp đã được nghiên cứu, đề xuất trong các chương trình, dự án để có được đầy đủ các giải pháp hợp lý nhất, lồng ghép hài hòa với nhau thành một thể thống nhất, đồng thời cũng cần chú ý loại bỏ những giải pháp chồng chéo, trùng lặp giữa kế hoạch ngành với kế hoạch của địa phương.

- Các chương trình, dự án lớn đều phải được khuyến cáo về đánh giá rủi ro thiên tai, có đề xuất các giải pháp nhằm giảm nhẹ rủi ro thiên tai trong quá trình thực hiện và trong giai đoạn vận hành, bảo trì. Các dự án có quy mô nhỏ đều phải có cam kết lồng ghép giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Việc lồng ghép toàn diện nhằm đảm bảo rằng các kế hoạch, chương trình phát triển và kể cả các tiểu dự án không tạo ra các hình thái thiên tai mới.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Thực hiện nhiệm vụ thường trực, trực ban theo dõi tình hình, diễn biến thiên tai; thông tin, báo cáo, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các hoạt động phòng, chống thiên tai kịp thời, chính xác, hiệu quả.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, tổ chức kiểm tra các cấp, các ngành về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh.

- Ban hành báo cáo nhanh hàng ngày, văn bản, công điện cảnh báo, chỉ đạo, đôn đốc các địa phương phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng các kịch bản phục vụ chỉ đạo, điều hành, huy động lực lượng ứng phó với các tình huống thiên tai.

- Tham mưu, đề xuất triển khai biện pháp cấp bách, huy động nguồn lực để ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định pháp luật về phòng, chống thiên tai.

- Đôn đốc các địa phương, sở, ngành thống kê báo cáo thiệt hại, nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ khẩn cấp khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Tổng hợp thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định các biện pháp và nguồn lực ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai và phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình cấp có thẩm quyền hỗ trợ thiệt hại khắc phục hậu quả thiên tai.

- Chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu, báo cáo phục vụ các hội nghị, hội thảo, các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh. Thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định.

- Phối hợp tham mưu, đề xuất khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thiên tai, tìm kiếm cứu nạn theo đúng quy định.

- Triển khai Phương án ứng phó và khắc phục hậu quả động đất. Phổ biến, tuyên truyền sâu rộng đến nhân dân các tình huống và biện pháp ứng phó khi xảy ra động đất.

- Phối hợp với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, các địa phương, đơn vị liên quan tổ chức ứng phó, khắc phục kịp thời, bảo vệ môi trường trong trường hợp xảy ra các sự cố tràn dầu trên sông, trên biển. Phối hợp với các sở, ngành chức năng kiểm tra các tổng kho xăng dầu, kho chứa hóa chất độc hại, chất phóng xạ...

2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh

- Xây dựng kế hoạch hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện trên địa bàn.

- Nắm chắc số lượng người, phương tiện hoạt động trên biển, trên sông, trên khu vực nuôi trồng thủy hải sản; khi có lệnh sơ tán khẩn trương kêu gọi người và phương tiện về nơi tránh trú theo phương án đã xây dựng.

- Nâng cao năng lực, tính chuyên nghiệp của lực lượng tìm kiếm cứu nạn. Tổ chức huấn luyện, diễn tập cứu hộ, cứu nạn chủ động ứng phó đối với các tình huống sự cố, thiên tai.

- Hỗ trợ các địa phương, đơn vị trong công tác tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, đặc biệt xây dựng lực lượng tại chỗ, trang bị phương tiện, thiết bị, công cụ, hướng dẫn kỹ năng để ứng phó cứu nạn, cứu hộ kịp thời, hiệu quả các tình huống sự cố, thiên tai.

- Thường xuyên kiểm tra và có kế hoạch tổ chức tập kết, quản lý sử dụng các phương tiện, trang thiết bị để tham gia kịp thời, có hiệu quả công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra thiên tai, đặc biệt là tại các khu vực xung yếu. Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo sự phân công và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao kỹ năng ứng phó thiên tai cho Đội xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.

- Triển khai các lực lượng để bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội, các công trình trọng điểm, tài sản của Nhà nước, nhân dân và doanh nghiệp, ngăn ngừa các đối tượng xấu lợi dụng tình hình thiên tai để trộm cắp, cướp giật.

- Tăng cường lực lượng hướng dẫn, giải quyết, xử lý ách tắc giao thông trong thời gian xảy ra thiên tai, nhất là thời điểm mưa lớn gây ngập sâu trên diện rộng; tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các phương tiện thủy, bộ vận chuyển trang thiết bị, vật tư xử lý các sự cố về công trình phòng, chống thiên tai đảm bảo yêu cầu khắc phục nhanh nhất.

3. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương kiểm tra chất lượng các công trình, các công trường đang thi công; kiểm tra, rà soát tiến độ thực hiện của các dự án; chỉ đạo các chủ đầu tư, đơn vị đẩy nhanh tiến độ thi công và có phương án ứng phó kịp thời với tình huống bất lợi khi thiên tai xảy ra, đảm bảo an toàn cho công trình xây dựng. Phối hợp với các địa phương rà soát phân loại nhà ở, xây dựng phương án di dời theo cấp độ khi thiên tai xảy ra.

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương hướng dẫn người dân sử dụng công trình, nhà ở thuộc quyền sở hữu của mình đảm bảo yêu cầu phòng, chống thiên tai.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chỉ đạo các đơn vị bưu chính viễn thông trên địa bàn tỉnh kiểm tra các trạm tiếp sóng viễn thông, bảo đảm cho mạng thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, tiếp nhận, xử lý thông tin trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thông suốt trong mọi tình huống.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và các doanh nghiệp viễn thông tổ chức thực hiện nhắn tin cảnh báo thiên tai qua điện thoại di động theo quy định cho nhân dân trong tỉnh biết và chủ động tránh trú an toàn.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan và các doanh nghiệp viễn thông tổ chức định vị thuê bao di động để phục vụ công tác cứu nạn, cứu hộ nhanh chóng, kịp thời hạn chế thấp nhất thiệt hại xảy ra.

5. Sở Y tế

Chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, phương tiện và thuốc y tế dự phòng; tổ chức kiểm tra và bố trí lực lượng phòng chống dịch bệnh cho nhân dân; nhanh chóng dập tắt các ổ dịch bệnh ngay từ khi mới phát sinh; thực hiện tốt việc sơ, cấp cứu và chữa trị cho nhân dân vùng thiên tai khi có ảnh hưởng về người. Xây dựng kế hoạch, phương án tổ chức, thành lập và tập huấn cho các đội vệ sinh phòng dịch bệnh và làm sạch môi trường, đội sơ cấp cứu ở các tuyến tỉnh, huyện, xã.

6. Sở Công Thương

Chỉ đạo ngành điện đảm bảo an toàn lưới điện, chất lượng điện phục vụ công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai; xây dựng kế hoạch dự trữ hàng hóa, nhu yếu phẩm (mỹ ăn liền, nước uống, xăng dầu,...) sẵn sàng cung ứng cho vùng thiên tai; chỉ đạo kiểm soát thị trường về giá cả hàng hóa, không để tình trạng lợi dụng khó khăn đầu cơ, trục lợi làm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân.

7. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí vốn đầu tư cho công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn để các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ, hiệu quả; thực hiện lồng ghép nội dung công tác phòng, chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

8. Sở Giáo dục và Đào tạo

Từng bước đưa nội dung phòng, chống thiên tai vào trường học, tổ chức dạy bơi cho lứa tuổi thanh thiếu niên nhằm tăng cường sự tham gia của trường học và cộng đồng trong công tác phòng, chống thiên tai.

9. Các sở, ban, ngành của tỉnh xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai cụ thể của đơn vị mình để chủ động ứng phó với thiên tai và hỗ trợ cho các đơn vị khác khi có yêu cầu.

10. Báo Nam Định

Tăng cường công tác truyền tin, phổ biến các thông tin dự báo, cảnh báo tình hình thời tiết, thiên tai, các chủ trương, văn bản của Trung ương, của tỉnh về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn kịp thời, chính xác; phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân kiến thức cơ bản về phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai.

11. Đài Khí tượng thủy văn Nam Định

Nâng cao chất lượng công tác dự báo, đặc biệt là việc dự báo sớm các khả năng xuất hiện và diễn biến của các tình huống phức tạp về thời tiết. Từng bước nâng cao và hiện đại hóa hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn, cung cấp thông tin kịp thời phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành về phòng, chống thiên tai.

12. Công ty Điện lực Nam Định

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng phương án đảm bảo an toàn mạng lưới điện do ngành quản lý từ trước, trong và sau khi sự cố thiên tai xảy ra; đảm bảo nguồn điện cung cấp liên tục cho các cơ quan chỉ đạo về phòng, chống thiên

tai ở các địa phương, các trạm bơm chống úng. Phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân tỉnh sự đảm bảo an toàn khi xảy ra mất điện phục vụ công tác cứu hộ trong trường hợp xảy ra thiên tai; xử lý khắc phục nhanh sự cố đường dây tải điện bị hư hỏng do ảnh hưởng của thiên tai.

13. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Nam Định

- Tổng kết, rút kinh nghiệm công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2024 và triển khai kế hoạch công tác năm 2025.

- Chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về phòng, chống thiên tai; xây dựng, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án ứng phó với từng loại thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hàng năm thuộc phạm vi quản lý. Cập nhật, rà soát, bổ sung hoàn thiện các phương án ứng phó với thiên tai (ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai; ứng phó với bão mạnh, siêu bão) đã xây dựng.

- Tổ chức việc chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm và tổ chức diễn tập theo phương án được duyệt; kiểm tra đôn đốc việc dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm, hóa chất xử lý nước, thuốc chữa bệnh, phòng dịch, phương tiện, vật tư, trang thiết bị theo phương châm “bốn tại chỗ” để chủ động ứng phó khi thiên tai xảy ra. Xây dựng, tu bổ, nâng cấp và quản lý, bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý. Thực hiện lồng ghép phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tổ chức lực lượng, thực hiện nghiêm việc tuần tra canh gác đê điều theo cấp báo động; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc công tác tuần tra, canh gác ở các tuyến đê để phát hiện và xử lý đảm bảo an toàn cho đê, kè, cống, công trình thủy lợi kịp thời ngay từ giờ đầu; đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt và báo cáo kịp thời khi công trình xảy ra sự cố.

- Tổ chức thực hiện các biện pháp giảm nhẹ thiên tai như: sơ tán người ra khỏi khu vực nguy hiểm, nơi không an toàn (rà soát, thống kê cụ thể số lượng người ở các xã, thị trấn, khu vực cần phải sơ tán ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai, chuẩn bị địa điểm và các nhu yếu phẩm cần thiết phục vụ tiếp nhận người sơ tán đến; chuẩn bị phương tiện, lực lượng, phương thức sơ tán hiệu quả nhất...). Tập trung triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn cho người, đặc biệt là các đối tượng dễ bị tổn thương; thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn nhà cửa, công sở... và các công trình cơ sở an ninh, quốc phòng. Kiểm tra phát hiện và xử lý sự cố công trình phòng, chống thiên tai; thực hiện hoạt động tìm kiếm cứu nạn, cứu chữa người bị thương, hỗ trợ lương thực, thuốc chữa bệnh, nước uống và nhu yếu phẩm khác tại khu vực sơ tán dân; đảm bảo an ninh, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tài sản của Nhà nước và nhân dân tại khu vực xảy ra thiên tai.

- Tổ chức thường trực, chỉ huy công tác ứng phó thiên tai; tổng hợp, thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện biện pháp bảo vệ sản xuất khi xảy ra thiên tai để giảm nhẹ thiệt hại, nhanh chóng phục hồi sản xuất; tổ chức, quản lý, phân bổ hàng cứu trợ của Nhà nước,... để ổn định đời sống, phục hồi sản xuất và khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn kiện toàn Đội xung kích phòng, chống thiên tai theo Quyết định số 08/QĐ-TWPCTT ngày 27/3/2020 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Quyết định số 2347/QĐ-UBND ngày 22/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng tham gia phòng, chống thiên tai ở địa phương trong việc xác định trọng điểm xung yếu, nơi tập kết sơ chỉ huy, các phương án xử lý sự cố, vật tư thiết bị và thông tin liên lạc. Phối hợp chặt chẽ với Công ty Điện lực tỉnh, các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi để chủ động bơm tiêu nước hợp lý, xử lý chống ngập úng kịp thời.

- Thực hiện xử lý, giải tỏa các vi phạm công trình phòng, chống thiên tai theo kế hoạch xây dựng. Chỉ đạo, đôn đốc công tác thu, nộp Quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh và các địa phương trong triển khai tuyên truyền, phổ biến về công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn với hình thức phù hợp đến các thành viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân, doanh nghiệp trong tỉnh.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Ngân sách nhà nước: Từ ngân sách Trung ương hỗ trợ theo kế hoạch hàng năm và hỗ trợ đột xuất khi xảy ra các tình huống thiên tai và ngân sách tỉnh.

- Các nguồn vốn lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, chương trình mục tiêu quốc gia.

- Quỹ phòng, chống thiên tai của tỉnh và các nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp khác.

Trên đây là Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Nam Định năm 2025. Yêu cầu các đơn vị, địa phương chỉ đạo triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh; | (để b/c)
- Các đ/c lãnh đạo UBND tỉnh;
- UB MTTQ tỉnh và tổ chức đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, TP. Nam Định;
- CPVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VP1, VP3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng